

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huyền Tr, sinh năm: 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn U M, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã Kh H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị S (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Kh H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

+ Bà Trần Cẩm Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

+ Bà Huỳnh Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Kh H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Huyền Tr trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2017 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Trần Văn Đ làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một đứa con nhưng thời gian gần đây do giữa bà và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng và vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau. Cha mẹ hai bên đã hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng Â, sinh ngày 14/01/2018, hiện nay đang sống cùng với ông Đ. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản chung gồm: Khi cưới mẹ chồng cho 09 chỉ vàng 24K, sau đó vợ chồng mua thêm 07 chỉ vàng 24K, vợ chồng đã bán 03 chỉ để tiêu sài; còn lại 13 chỉ vàng 24k thì vợ chồng đã bán để đưa cho mẹ chồng là bà Huỳnh Thị L 45.000.000 đồng để cất nhà chung; cho em chồng là Trần Cẩm Đmượn 03 chỉ vàng 24k và 01 chung hụi do bà Nguyễn Thị S làm chủ hụi, số tiền hụi hốt được 27.040.000 đồng, khi bà về nhà cha mẹ ruột thì bà Sen đã giao tiền hụi cho ông Đ. Quá trình Tòa án làm việc với bà Tr và tại phiên tòa bà Tr thay đổi yêu cầu đổi với số tiền 45.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K cụ thể bà xác định bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Nếu sau này giữa bà với ông Đ và gia đình chồng không thỏa thuận được tôi sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác; đối với số tiền hụi bà Sen đã giao cho ông Đ thì ông Đ có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho bà Sen.

Về nợ chung: Số tiền nợ hụi chết của bà Sen thì ông Đ có trách nhiệm trả cho bà Sen.

- Bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng đám cưới và chung sống với nhau và năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, huyện U Minh. Về nguyên nhân mâu thuẫn đúng là vì giữa bà Tr và mẹ ông xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Ông xác định còn thương vợ mong muốn được hàn gắn nên không đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng Â, sinh ngày 14/01/2018, hiện nay đang sống cùng với ông, bà Tr đồng ý giao con cho ông nuôi dưỡng thì ông đồng ý nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng vì ông có đầy đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Việc bà Tr thay đổi yêu cầu đổi với 45.000.000 đồng đưa mẹ ông cất nhà và 03 chỉ vàng 24K mà Trần Cẩm Đmượn đã trả cho ông thì ông không có ý kiến; đối với số tiền hụi 27.040.000 đồng chơi hụi của bà Sen đúng là khi hốt hụi số tiền là 27.040.000 đồng, bà Tr đồng ý trừ lại 7.000.000 đồng để đóng hụi chết ông đồng ý, còn lại 20.0000.000 đồng ông quản lý và ông sẽ đóng hụi chết cho bà

Sen đến khi mãn hạn.

Về nợ chung: Số tiền nợ hạn chết của bà Sen thì ông đồng ý trả cho bà Sen.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 3 năm 2022 bà Nguyễn Thị S trình bày: Đối với chung hạn ông Đ tham gia sau khi hết hạn ông Đ đóng hạn chết cho bà đầy đủ và chỉ còn 03 kỳ nữa là hạn mãn nên bà đồng ý để ông Đ đóng hạn đến khi mãn hạn và bà không có yêu cầu gì nên yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Thị L và bà Trần Cẩm Đứng theo quy định pháp luật nhưng bà Lý và bà Đang không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bà Lý và bà Đang chưa hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Huyền Tr đối với ông Trần Văn Đ; về con chung: giao con chung Trần Hoàng A, sinh ngày 14/01/2018 cho ông Trần Văn Đ nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không xem xét; về tài sản chung: không yêu cầu không xem xét; về nợ chung: Không xem xét; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Huyền Tr yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Đ tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Lý, bà Trần Cẩm Đ đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, bà Nguyễn Thị S xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lý và bà Đang và bà Sen theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huyền Tr và ông Trần Văn Đ làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Tr và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Huyền Tr yêu cầu ly hôn với ông Đ vì bà Tr xác định sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một đứa con nhưng thời gian gần đây do giữa bà và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng và vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau. Cha mẹ hai bên đã hàn gắn nhưng không

thành nên đã ly thân, ông Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn đúng là vì giữa bà Tr và mẹ ông xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Ông xác định còn thương vợ mong muốn được hàn gắn nên không đồng ý ly hôn với bà Tr. Xét thấy, ông Đ cho rằng yêu cầu hàn gắn nhưng kể từ khi Tòa án tiến hành hòa giải đến nay cả bà Tr và ông Đ đều xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Tr cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Tr và ông Đ không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Huyền Tr ly hôn với ông Trần Văn Đ.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Huyền Tr và ông Trần Văn Đ có một con chung tên và Trần Hoàng Ân, sinh ngày 14/01/2018, hiện sống chung với ông Đ. Xét thấy cháu Hoàng Ân đang sống cùng với ông Đ thì cháu vẫn phát triển bình thường và bà Tr cũng đồng ý giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Liêm khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Hoàng Ân cho ông Trần Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Tr không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

Ông Trần Văn Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung:

Đối với số tiền 45.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K, bà Tr xác định thay đổi yêu cầu cụ thể là không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Nếu sau này giữa bà với ông Đ và gia đình chồng không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp bà Tr được quyền khởi kiện chia tài sản bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Đối với số tiền nợ hụi chết của bà Nguyễn Thị S. Xét thấy, bà Sen không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì bà Sen có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Huyền Tr. Bà Nguyễn Huyền Tr được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Hoàng Â, sinh ngày 14/01/2018 cho ông Trần Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Tr không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Huyền Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.379.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010088 ngày 05/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ, bà Tr được nhận lại số tiền 1.079.000 (một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi